

Số: 12/2021/HSST

Ngày: 12/3/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH  
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Chu Thị Lan Anh**

***Các Hội thẩm nhân dân:***

- Ông Nguyễn Chí Hoàng.
- Ông Nguyễn Kim Hợp.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hà Phương Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa:***  
Bà **Bùi Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

**Bùi Văn D**, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1999.

Nơi cư trú: Thôn YL, xã TS, huyện LS, tỉnh HB.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Vợ, con: Chưa có.

Con ông **Bùi Văn Q** (đã chết) và bà **Quách Thị H**, sinh năm 1971.

Tiền sự: không.

Tiền án: Bản án số 53 /2018 ngày 07/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, Hòa Bình xử phạt 12 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 23/10/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- *Người bị hại:*

Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1971. Có mặt.

Trú tại: Thôn YL, xã TS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

- *Người có quyền lợi liên quan:*

Anh Đỗ Văn M, Sinh năm 1986. Có mặt.

Trú tại: Tổ 2, khu XH, thị trấn XM, huyện CM, tp HN.

- *Người làm chứng:*

1/ Chị Bùi Thị LA, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 17, phường HN, tp HB, tỉnh HB.

2/ Bà Quách Thị H, sinh năm 1971. Có mặt.

Trú tại: Thôn YL, xã TS, huyện LS, tỉnh HB.

3/ Chị Đinh Thị H, sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn HT, xã TS, huyện LS, tỉnh HB.

4/ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn ĐM, xã NPT, huyện CM, tp. HN.

5/ Anh Bùi Lâm Kh, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn TL, xã TP, huyện CM, tp. HN.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án trộm cắp tài sản do Bùi Văn Dũng thực hiện được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 17/9/2020, chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, trú tại YL, TS, LS, HB cùng chồng đi xe mô tô nhãn hiệu Honda SH MODE, BKS 28G1-196.04 đến nhà cháu họ là Bùi Văn D, sinh năm 1999, ở cùng xóm để ăn giỗ bố của D. Khi đến nơi, chị T dựng xe ở sân ( toàn bộ giấy tờ xe để ở trong cốp xe ) và vào ngồi ăn cơm. Ngồi được một lúc thì chị gái của D là Bùi Thị LA

có hỏi mượn xe của chị T để đi đón bạn. Sau khi đón bạn quay về, chị LA dựng xe ở góc sân rồi đi vào nhà ăn cơm với mọi người.

Ăn đến khoảng 21 giờ 30 thì D đứng dậy trước và đi xuống bếp, còn những người khác vẫn ngồi ăn. Khi đi xuống bếp, D nhìn thấy chiếc xe của chị T dựng ở góc sân trước nhà bếp, chìa khóa treo ở xe nên đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. D đi vào bếp rửa tay sau đó đi ra chỗ chiếc xe, cầm chìa khóa bấm mở khóa điện rồi điều khiển xe rời khỏi nhà, đi đến nhà bạn là Bùi Lâm Kh ở TL, TP, CM, HN và ngủ lại nhà K. Khi ở nhà K, D có gặp Nguyễn Văn H, sinh năm 1993, trú tại: ĐM, NPT, CM, HN, D hỏi H có biết chỗ cầm xe không, H hỏi xe của ai thì D nói xe của nhà, H bảo với D có quen một anh làm bất động sản, nghe nói chỗ đó có nhận cầm đồ và bảo D đến hỏi xem. Sau đó, D và H đi đến một văn phòng bất động sản thuộc NS, NPT, CM, HN. Khi đến nơi, H ở ngoài còn D đi vào văn phòng bất động sản và cầm cố chiếc xe cho một người đàn ông với số tiền 20.000.000 đồng. Cầm xe xong, D ra bắt tắc xi rồi cùng H về nhà K. Khoảng 05 ngày sau D quay lại văn phòng bất động sản gặp người đàn ông đã nhận cầm xe và hỏi lấy thêm số tiền 10.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền cầm cố xe, D đã tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 23/10/2020, Bùi Văn D đến công an huyện LS đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 26/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lương Sơn ra yêu cầu định giá tài sản số 65 đối với chiếc xe mô tô Honda SH MODE màu vàng - nâu, số khung RLHJF5146GY025787, số máy JF51E0579426, BKS 28G1-196.04, xe đã qua sử dụng mà Bùi Văn D đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐDGTS ngày 31/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lương Sơn kết luận chiếc xe mô tô có giá trị: 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng).

Vật chứng vụ án: Ngày 01/ 3/2021 anh Đỗ Văn M giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lương Sơn:

- 01Xe mô tô Honda SH MODE màu vàng - nâu, số khung RLHJF5146GY025787, số máy JF51E0579426, BKS 28G1-196.04.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đinh Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Yên Lịch, Long Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình, biển số đăng ký 28G1 – 196.04.

Số vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Văn M yêu cầu bị cáo Bùi Văn D phải bồi thường cho anh số tiền 35.000.000 đồng mà anh sử dụng để mua xe mô tô Honda SH MODE màu vàng - nâu, số khung RLHJF5146GY025787, số máy JF51E0579426, BKS 28G1-196.04 của một người đàn ông không quen biết, khi mua anh Mạnh không biết xe này do trộm cắp mà có.

Hội đồng xét xử công bố lời khai trước cơ quan điều tra của người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

Cáo trạng số 01/CT - VKSLS ngày 05/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố bị cáo Bùi Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173 ; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 48, khoản 2 điều 56, khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 Bộ luật dân sự; Điều 30, Điều 293, Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: xử phạt bị cáo Bùi Văn D từ 28 đến 32 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2020.

***\*Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:*** Trả lại cho chị Nguyễn Thị T: 01 xe mô tô Honda SH MODE màu vàng - nâu, số khung RLHJF5146GY025787, số máy JF51E0579426, BKS 28G1-196.04.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đinh Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Yên Lịch, Long Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình, biển số đăng ký 28G1 – 196.04.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

**Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo D và anh Đỗ Văn M về trách nhiệm dân sự, bị cáo D bồi thường cho anh M số tiền 35.000.000 đồng.**

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tội phạm xảy ra tại xóm YL, xã TS, huyện LS, tỉnh HB, bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có mức cao nhất của khung hình phạt là 03 năm, theo quy định tại Điều 268, 269 Bộ luật tố tụng hình sự là thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lương Sơn, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt, nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, việc họ vắng mặt tại không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy đã có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 17/9/2020, khi nhìn thấy xe của chị Nguyễn Thị T để ở sân nhà mình ở thôn YL, xã TS, huyện LS, tỉnh HB (toàn bộ giấy tờ xe để ở trong cốp xe) và có sẵn chìa khóa, D đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Sau khi lén lút lấy trộm được xe, D đã mang xe đi cầm cố cho một

người đàn ông ở văn phòng bất động sản thuộc NS, NPT, CM, HN với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô mà Bùi Văn D trộm cắp của chị Nguyễn Thị T qua định giá có giá trị 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố bị cáo Bùi Văn D theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn D là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Lương Sơn và gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Bùi Văn D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng lười lao động, muốn hưởng thụ thành quả lao động của người khác một cách trái pháp luật nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị T. Đây không phải lần đầu tiên D phạm tội: Ngày 07/12/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, D không lấy đó là bài học để rèn luyện tu dưỡng bản thân, làm ăn lương thiện trở thành công dân có ích cho xã hội mà tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình đối với bị cáo, cần thiết phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự mới đủ để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xét thấy bị cáo Bùi Văn D trước Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo; bị cáo đầu thú đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để HDXX xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên áp dụng khoản 2 Điều 56, khoản 5 điều 65 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của bản án số 53/2018/ HSST ngày 07/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Bị cáo Bùi Văn D là lao động tự do, không có thu nhập ổn định do vậy Hội đồng xét xử không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Bùi Lâm K (là người D đã điều khiển chiếc xe trộm cắp đến nhà rồi ngủ lại) và Bùi Văn H (là người đã chỉ chỗ và đi cùng D đến nơi cầm cố xe), quá trình điều tra đã xác định cả K và H không biết rõ chiếc xe D đem cầm cố là tài sản do trộm cắp mà có. Do đó, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm đối với K và H.

Đối với người cầm cố chiếc xe cho Bùi Văn D, quá trình giải quyết vụ án, Bùi Văn D đã xác định được địa điểm mình cầm cố xe là văn phòng bất động sản nằm trên đường Hồ Chí Minh thuộc NS, NPT, CM, HN. Tuy nhiên khi được đưa đến văn phòng thì D không nhận ra ai ở văn phòng là người đã nhận cầm cố xe cho mình mà chỉ nhớ đó là một người đàn ông khoảng 30 tuổi. Những người làm việc tại văn phòng cũng khẳng định không được nhận cầm cố xe cho D. Do đó, chưa có cơ sở để xác định người đã nhận cầm cố xe cho Bùi Văn D, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Đỗ Văn M người mua chiếc xe máy Honda SH MODE màu vàng - nâu, số khung RLHJF5146GY025787, số máy JF51E0579426, BKS 28G1-196.04 của một người đàn ông không quen biết với giá 35.000.000 đồng, khi mua xe có đầy đủ giấy tờ nên không biết xe này do trộm cắp mà có, khi đến công an xã TS để xin xác nhận làm lại giấy tờ xe anh mới biết chiếc xe mình mua là tang vật của vụ án trộm cắp tài sản. Hiện nay anh đã giao nộp xe cho Cơ quan điều tra Công an huyện Lương Sơn nên trong vụ án này xác định anh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị bị cáo D phải bồi thường gì thêm nên không đề cập.

Anh Đỗ Văn M yêu cầu bị cáo Bùi Văn D phải bồi thường cho anh số tiền 35.000.000 đồng mà anh sử dụng để mua xe mô tô Honda SH MODE màu vàng - nâu, số khung RLHJF5146GY025787, số máy JF51E0579426, BKS 28G1-196.04. Hội đồng xét xử xét thấy khi mua xe anh M không biết đó là xe trộm cắp vì người bán có đầy đủ giấy tờ như vậy anh là người ngay tình. Anh M mua xe với giá 35.000.000 đồng (Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 31/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lương Sơn kết luận chiếc xe mô tô có giá trị: 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng)), bị cáo D tại phiên tòa cũng đồng ý thỏa thuận bồi thường cho anh

M số tiền 35.000.000 đồng, xét việc thỏa thuận này không trái luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 Bộ luật dân sự; Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Vật chứng vụ án

- 01 xe mô tô Honda SH MODE màu vàng - nâu, số khung RLHJF5146GY025787, số máy JF51E0579426, BKS 28G1-196.04.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đinh Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ: Yên Lịch, Long Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình, biển số đăng ký 28G1 - 196.04.

Xe và giấy tờ xe thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị T nên cần trả lại cho chị T theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

*Vì các lẽ trên!*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; khoản 2 Điều 56; khoản 5 điều 65, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 30; Điều 268, Điều 269, Điều 293, Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

***1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.***

Xử phạt bị cáo Bùi Văn D 30 ( Ba mươi) tháng tù. Tổng hợp với 12 tháng tù của bản án số 53/2018/HSST ngày 07/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Buộc bị cáo Dũng phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 42 ( Bốn mươi hai) tháng tù, được trừ đi số ngày tạm giữ từ 10/7/2018 đến ngày 16/7/2018 tại bản án số 53/2018/HSST ngày 07/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2020.



**2. Về trách nhiệm dân sự:** Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Bùi Văn D và anh Đỗ Văn M: Bị cáo Bùi Văn D bồi thường cho anh Đỗ Văn M số tiền 35.000.000 đồng ( Ba lăm triệu đồng chẵn)

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.*

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**3. Về vật chứng:** Trả lại cho chị Nguyễn Thị Toan:

- 01 xe mô tô Honda SH MODE màu vàng - nâu, số khung RLHJF5146GY025787, số máy JF51E0579426, BKS 28G1-196.04.

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Đinh Thị Hằng, sinh năm 1995; địa chỉ: Yên Lịch, Long Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình, biển số đăng ký 28G1 – 196.04

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/3/2021 giữa Cơ quan cảnh sát Công an huyện Lương Sơn với Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

**4. Về án phí:** Bị cáo Bùi Văn D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.750.000 án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Hòa Bình;
- VKS T. Hòa Bình
- Sở tư pháp T. Hòa Bình
- VKSNDH. Lương Sơn;
- CAH. Lương Sơn;
- Chi cục THADS H. Lương Sơn;
- THA. Hình sự
- Bị cáo, đương sự;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**